

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẢNG CÁI LÂN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN NGÀY 30/06/2023**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 36

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/06/2023
Bà Trịnh Thị Ngọc Biên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/06/2023
Ông Phạm Văn Toàn	Thành viên	
Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/06/2023
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên	
Ông Đỗ Đức Ân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2023
Ông Thẩm Hồng Sơn	Thành viên	

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Thanh Thủy	Trưởng Ban	
Bà Dương Thu Hiền	Thành viên	
Bà Phạm Thị Hoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/06/2023
Ông Nguyễn Tư Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/06/2023

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Phạm Văn Toàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Văn Toàn

Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2023

Số: 803/2023/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 33.2 bản Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo, tại thời điểm 30/06/2023, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 2,89 tỷ đồng, đồng thời lỗ lũy kế là âm 403,67 tỷ đồng, Vốn chủ sở hữu âm 24,6 tỷ đồng. Những dấu hiệu này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh không làm thay đổi kết luận chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ này tại ngày 05/08/2022.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 06/03/2023.



**Nguyễn Minh Long**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2023*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30/06/2023*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.372.819.397</b>	<b>12.771.399.361</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.620.192.391	5.436.148.958
Tiền	111		1.620.192.391	1.393.692.429
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	4.042.456.529
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.339.507.987	5.635.597.079
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.018.052.564	5.302.890.653
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.899.500	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.584.319.160	2.614.469.663
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(2.281.763.237)	(2.281.763.237)
Hàng tồn kho	140		2.775.782.174	1.253.192.366
Hàng tồn kho	141	10	2.775.782.174	1.253.192.366
Tài sản ngắn hạn khác	150		637.336.845	446.460.958
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	382.699.955	417.443.358
Thuế GTGT được khấu trừ	152		216.581.841	29.017.600
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	38.055.049	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.962.255.093</b>	<b>33.734.651.184</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.680.400.000	3.680.400.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	3.680.400.000	3.680.400.000
Tài sản cố định	220		1.546.362.158	1.837.488.476
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.381.015.502	1.659.740.816
- Nguyên giá	222		18.320.295.478	18.841.646.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.939.279.976)	(17.181.905.407)
Tài sản cố định vô hình	227	12	165.346.656	177.747.660
- Nguyên giá	228		269.996.000	269.996.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(104.649.344)	(92.248.340)
Bất động sản đầu tư	230	13	27.516.984.177	27.904.547.331
- Nguyên giá	231		36.430.936.788	36.430.936.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.913.952.611)	(8.526.389.457)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		473.212.674.000	473.212.674.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(473.212.674.000)	(473.212.674.000)
Tài sản dài hạn khác	260		218.508.758	312.215.377
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	218.508.758	312.215.377
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>43.335.074.490</b>	<b>46.506.050.545</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
Tại ngày 30/06/2023


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>67.954.557.761</b>	<b>70.225.233.501</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.266.748.267</b>	<b>14.706.949.619</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	8.883.563.635	8.723.804.168
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.557.475.263	1.963.457.898
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.041.269	325.358.747
Phải trả người lao động	314		266.640.646	1.259.525.087
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	526.542.843	480.229.560
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	1.660.948.840	1.660.948.840
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	367.814.479	291.904.027
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.721.292	1.721.292
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>54.687.809.494</b>	<b>55.518.283.882</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	17	14.739.076.642	14.739.076.642
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	37.302.732.852	38.133.207.240
Phải trả dài hạn khác	337	19	2.646.000.000	2.646.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(24.619.483.271)</b>	<b>(23.719.182.956)</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>(24.619.483.271)</b>	<b>(23.719.182.956)</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		365.050.000.000	365.050.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		365.050.000.000	365.050.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		11.500.000.000	11.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		163.000.000	163.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(403.673.219.367)	(402.772.919.052)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(402.772.919.052)	(408.811.927.023)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(900.300.315)	6.039.007.971
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>43.335.074.490</b>	<b>46.506.050.545</b>

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

  
Vũ Thị An

Trưởng phòng kế toán

  
Phan Thị Liên

Tổng Giám đốc  
  
Phạm Văn Toàn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	15.132.809.462	30.308.519.518
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.132.809.462	30.308.519.518
Giá vốn hàng bán	11	22	13.559.186.708	23.656.279.314
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.573.622.754	6.652.240.204
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	93.900.170	59.095.743
Chi phí tài chính	22	24	2.730.000	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.473.369.372	3.315.297.074
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(808.576.448)	3.396.038.873
Thu nhập khác	31	27	179.925.989	-
Chi phí khác	32	28	183.067.610	10.943.197
Lợi nhuận khác	40		(3.141.621)	(10.943.197)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(811.718.069)	3.385.095.676
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	88.582.246	456.868.438
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(900.300.315)	2.928.227.238
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(25)	80
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	(25)	80

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Vũ Thị An

Trưởng phòng kế toán

Phan Thị Liên



Phòng Giám đốc

Phạm Văn Toàn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
*Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023*

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>(811.718.069)</b>	<b>3.385.095.676</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	678.689.472	657.592.562
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(25.236.254)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(93.900.170)	(31.105.121)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(226.928.767)</b>	<b>3.986.346.863</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	971.378.197	1.827.431.303
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.522.589.808)	94.306.565
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.117.862.410)	(1.121.091.704)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	128.450.022	(100.029.608)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(241.395.576)	(136.455.015)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.008.948.342)</b>	<b>4.550.508.404</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(399.208.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	156.273.859	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.717.916	28.254.869
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>192.991.775</b>	<b>(370.953.131)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.815.956.567)	4.179.555.273
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	5.436.148.958	2.363.679.082
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	20.973.254
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	2.620.192.391	6.564.207.609

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Vũ Thị An

Trưởng phòng kế toán

Phan Thi Liên



Đông Giám đốc

Phạm Văn Toàn

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 5700688013 ngày 02/11/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 03/11/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 1, đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2022 là 365.050.000.000 đồng chia thành 36.050.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn Upcom từ ngày 27 tháng 07 năm 2017 với mã chứng khoán là CPI. Từ ngày 28/07/2017 đến nay, Công ty bị hạn chế giao dịch do âm Vốn chủ sở hữu.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2023 là 36 người (tại ngày 31/12/2022 là 36 người).

### **1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp dịch vụ cảng biển, dịch vụ hàng hải và cho thuê bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

### **1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

### **2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

#### **2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

#### **3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

#### **3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.3 NGOẠI TỆ**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Góp vốn liên doanh*

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng.

#### **3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.7 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### **3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
- Tài sản cố định khác	04

#### 3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính với thời gian sử dụng từ 3 đến 5 năm.

#### 3.10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Là bất động sản, gồm: quyền sử dụng đất, và nhà cửa, vật kiến trúc do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để:

- Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc
- Bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Trong thời gian nắm giữ, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định tương tự của Công ty trong vòng 47 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản: thuế nhà đất phải trả và các khoản chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**3.13 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**3.14 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và doanh thu cung cấp các dịch vụ.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Nếu Công ty lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu cho thuê một lần thì trình bày thêm đoạn sau:

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**

- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

#### **3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

##### *Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

*Các loại thuế khác:* theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### **3.19 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

#### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

##### 3.19 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	323.904.206	98.097.547
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.296.288.185	1.295.594.882
- Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	4.042.456.529
<b>Cộng</b>	<b>2.620.192.391</b>	<b>5.436.148.958</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 1.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam với lãi suất 4,2%/năm.

#### 5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>382.699.955</b>	<b>417.443.358</b>
- Chi phí bảo hiểm	63.481.814	97.722.380
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	85.157.579	104.415.978
- Chi phí sửa chữa tài sản	81.916.656	123.754.168
- Các khoản khác	152.143.906	91.550.832
<b>b) Dài hạn</b>	<b>218.508.758</b>	<b>312.215.377</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	85.123.787	139.875.875
- Chi phí sửa chữa tài sản đi thuê	24.965.012	49.930.040
- Các khoản khác	108.419.959	122.409.462
<b>Cộng</b>	<b>601.208.713</b>	<b>729.658.735</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2023				01/01/2023			
	Giá gốc	Tỷ lệ	Giá trị	Dự phòng	Giá gốc	Tỷ lệ	Giá trị	Dự phòng
	VND	sở hữu	hợp lý	VND	VND	sở hữu	hợp lý	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	473.212.674.000	51%	(*)	(473.212.674.000)	473.212.674.000	51%	(*)	(473.212.674.000)
+ Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT)	473.212.674.000	51%	(*)	(473.212.674.000)	473.212.674.000	51%	(*)	(473.212.674.000)
<b>Cộng</b>	<b>473.212.674.000</b>	<b>51%</b>		<b>(473.212.674.000)</b>	<b>473.212.674.000</b>	<b>51%</b>		<b>(473.212.674.000)</b>

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế (CICT) theo Hợp đồng liên doanh ngày 06/11/2007. Tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế là 51%. Số vốn đã góp tương ứng với 25.490.000 USD, tỷ lệ sở hữu là 51%. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tại ngày 30/06/2023, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đối với toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) do lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023 của CICT đã vượt quá Vốn chủ sở hữu của công ty này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.018.052.564</b>	<b>(465.523.637)</b>	<b>5.302.890.653</b>	<b>(465.523.637)</b>
- Công ty TNHH Cảng Công- ten- nơ Quốc tế Cái Lân	1.949.475.000	-	274.680.072	-
- Công ty TNHH MTV Năng lượng An Việt Phát	964.040.000	-	2.805.004.356	-
- Công ty TNHH Vôi Hạ Long Quảng Ninh	-	-	762.813.264	-
- Phải thu khách hàng khác	1.104.537.564	(465.523.637)	1.460.392.961	(465.523.637)
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.018.052.564</b>	<b>(465.523.637)</b>	<b>5.302.890.653</b>	<b>(465.523.637)</b>

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 33

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**8. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.584.319.160</b>	<b>(1.816.239.600)</b>	<b>2.614.469.663</b>	<b>(1.816.239.600)</b>
- Tạm ứng	307.827.000	-	228.673.000	-
- Ký cược, ký quỹ	3.000.000	-	43.340.500	-
- Thuế GTGT chưa đủ điều kiện khấu trừ từ năm 2017, 2018	371.914.000	-	371.914.000	-
- Nợ phải thu chờ xử lý (*)	1.816.239.600	(1.816.239.600)	1.816.239.681	(1.816.239.600)
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	805.479	-	10.832.682	-
- Phải thu khác	84.533.081	-	143.469.800	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.680.400.000</b>	<b>-</b>	<b>3.680.400.000</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	3.680.400.000	-	3.680.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.264.719.160</b>	<b>(1.816.239.600)</b>	<b>6.294.869.663</b>	<b>(1.816.239.600)</b>

(\*) Nợ phải thu chờ xử lý là khoản công nợ phải thu còn lại được Công ty phân loại từ khoản phải thu khách hàng sau khi Công ty và Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) ký Thỏa thuận ngày 11/07/2022 giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp giữa hai bên liên quan đến dịch vụ vận chuyên sà lan từ Cảng Cái Lân đi Hải Phòng theo hợp đồng số CICT.HDKT/2018.01/CPI ngày 01/01/2018. Hiện tại, Công ty đang thực hiện các thủ tục để xử lý khoản nợ phải thu này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**9. NỢ XẤU**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>				
- Công ty cổ phần Thương mại Sản xuất dăm gỗ TMT	170.810.966	(170.810.966)	170.810.966	(170.810.966)
- Công cổ TNHH Hoàng Lâm Hạ Long	70.408.525	(70.408.525)	70.408.525	(70.408.525)
- Công ty cổ phần Luyện cán thép Sóc Sơn	74.163.817	(74.163.817)	74.163.817	(74.163.817)
- Nợ phải thu chờ xử lý	1.816.239.600	(1.816.239.600)	1.816.239.600	(1.816.239.600)
- Công ty TNHH Chế biến lâm sản dăm gỗ VINA	23.140.329	(23.140.329)	23.140.329	(23.140.329)
- Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cửu Long	127.000.000	(127.000.000)	127.000.000	(127.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>2.281.763.237</b>	<b>(2.281.763.237)</b>	<b>2.281.763.237</b>	<b>(2.281.763.237)</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	106.788.337	-	85.958.606	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.909.091	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.668.993.837	-	1.165.324.669	-
<b>Cộng</b>	<b>2.775.782.174</b>	<b>-</b>	<b>1.253.192.366</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2023	608.800.000	16.965.846.223	212.276.000	1.054.724.000	18.841.646.223
- Thanh lý, nhượng bán	-	(521.350.745)	-	-	(521.350.745)
30/06/2023	608.800.000	16.444.495.478	212.276.000	1.054.724.000	18.320.295.478
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2023	(433.983.689)	(15.917.469.996)	(212.276.000)	(618.175.722)	(17.181.905.407)
- Khấu hao trong kỳ	(29.646.378)	(138.326.890)	-	(110.752.046)	(278.725.314)
- Thanh lý, nhượng bán	-	521.350.745	-	-	521.350.745
30/06/2023	(463.630.067)	(15.534.446.141)	(212.276.000)	(728.927.768)	(16.939.279.976)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2023	174.816.311	1.048.376.227	-	436.548.278	1.659.740.816
30/06/2023	145.169.933	910.049.337	-	325.796.232	1.381.015.502

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 15.949.271.842 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 14.633.511.315 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2023	269.996.000	269.996.000
30/06/2023	269.996.000	269.996.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2023	(92.248.340)	(92.248.340)
- Khấu hao trong kỳ	(12.401.004)	(12.401.004)
30/06/2023	(104.649.344)	(104.649.344)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2023	177.747.660	177.747.660
30/06/2023	165.346.656	165.346.656

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 71.580.000 đồng tại ngày 01/01/2023 là 71.580.000 đồng.

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2023	33.623.389.808	2.807.546.980	36.430.936.788
30/06/2023	33.623.389.808	2.807.546.980	36.430.936.788
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2023	(7.869.303.997)	(657.085.460)	(8.526.389.457)
Khấu hao trong kỳ	(357.695.634)	(29.867.520)	(387.563.154)
30/06/2023	(8.226.999.631)	(686.952.980)	(8.913.952.611)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2023	25.754.085.811	2.150.461.520	27.904.547.331
30/06/2023	25.396.390.177	2.120.594.000	27.516.984.177

**Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư:**

Toàn bộ bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trên đất của khu đất có diện tích 2,3 hecta tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE326903 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12/12/2011. Thời hạn sử dụng đến ngày 31/08/2061.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.883.563.635</b>	<b>8.883.563.635</b>	<b>8.723.804.168</b>	<b>8.723.804.168</b>
- Ban quản lý dự án Hàng hải 2	4.000.000.000	4.000.000.000	6.665.333.000	6.665.333.000
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	1.273.000.000	1.273.000.000	1.616.239.600	1.616.239.600
- Công ty Cổ phần Xây dựng du lịch và Thương mại Thẩm gia	1.616.239.000	1.616.239.000		
- Phải trả nhà cung cấp khác	1.994.324.635	1.994.324.635	442.231.568	442.231.568
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.883.563.635</b>	<b>8.883.563.635</b>	<b>8.723.804.168</b>	<b>8.723.804.168</b>

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 33

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.557.475.263</b>	<b>1.557.475.263</b>	<b>1.963.457.898</b>	<b>1.963.457.898</b>
- Công ty TNHH Vinh Hưng	1.432.526.728	1.432.526.728	1.432.526.728	1.432.526.728
- Công ty TNHH Hào Hưng Long An	84.331.170	84.331.170	84.331.170	84.331.170
- Công ty cổ phần Công nghiệp và Phát triển rừng	-	-	446.600.000	446.600.000
- Đối tượng khác	40.617.365	40.617.365	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.557.475.263</b>	<b>1.557.475.263</b>	<b>1.963.457.898</b>	<b>1.963.457.898</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	358.118.746	358.118.746	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	154.854.599	88.582.246	241.395.576	2.041.269
- Thuế thu nhập cá nhân	170.504.148	177.714.635	348.218.783	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.039.645	6.039.645	-
<b>Cộng</b>	<b>325.358.747</b>	<b>633.455.272</b>	<b>956.772.750</b>	<b>2.041.269</b>
	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	38.055.049	38.055.049
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38.055.049</b>	<b>38.055.049</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>526.542.843</b>	<b>480.229.560</b>
- Thuế nhà đất phải trả	428.256.660	428.256.660
- Các khoản trích trước khác	98.286.183	51.972.900
<b>b) Dài hạn</b>	<b>14.739.076.642</b>	<b>14.739.076.642</b>
- Thuế nhà đất phải trả (*)	14.739.076.642	14.739.076.642
<b>Cộng</b>	<b>15.265.619.485</b>	<b>15.219.306.202</b>

(\*) Tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các bên số 2, 3, 4 của Cảng Cái Lân, tỉnh Quảng Ninh với tổng diện tích đất được giao là 155.684,4 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH893370 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/07/2008. Thời gian sử dụng từ năm 2008 đến tháng 5/2058. Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-ơ Quốc tế Cái Lân (CICT) bằng quyền sử dụng đất này.

**18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.660.948.840</b>	<b>1.660.948.840</b>
- Doanh thu từ cho thuê mặt bằng 2,3 ha	1.660.948.840	1.660.948.840
<b>b) Dài hạn</b>	<b>37.302.732.852</b>	<b>38.133.207.240</b>
- Doanh thu từ cho thuê mặt bằng 2,3 ha	37.302.732.852	38.133.207.240
<b>Cộng</b>	<b>38.963.681.692</b>	<b>39.794.156.080</b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>367.814.479</b>	<b>291.904.027</b>
- Kinh phí công đoàn	31.243.161	55.175.425
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	139.625.000	139.625.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	196.946.318	97.103.602
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.646.000.000</b>	<b>2.646.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.646.000.000	2.646.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.013.814.479</b>	<b>2.937.904.027</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(408.811.927.023)	(29.758.190.927)
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	6.039.007.971	6.039.007.971
31/12/2022	<u>365.050.000.000</u>	<u>11.500.000.000</u>	<u>2.340.736.096</u>	<u>163.000.000</u>	<u>(402.772.919.052)</u>	<u>(23.719.182.956)</u>
01/01/2023	365.050.000.000	11.500.000.000	2.340.736.096	163.000.000	(402.772.919.052)	(23.719.182.956)
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(900.300.315)	(900.300.315)
30/06/2023	<u>365.050.000.000</u>	<u>11.500.000.000</u>	<u>2.340.736.096</u>	<u>163.000.000</u>	<u>(403.673.219.367)</u>	<u>(24.619.483.271)</u>

**20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2023 VND	Tỷ lệ %	01/01/2023 VND	Tỷ lệ %
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	206.550.000.000	56,58%	206.550.000.000	56,58%
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	29.709.990.000	8,14%	29.709.990.000	8,14%
- Tập đoàn GELEXIMCO	18.000.000.000	4,93%	18.000.000.000	4,93%
- Vốn góp của các đối tượng khác	110.790.010.000	30,35%	110.790.010.000	30,35%
<b>Cộng</b>	<u>365.050.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>365.050.000.000</u>	<u>100%</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	365.050.000.000	365.050.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	365.050.000.000	365.050.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**20.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2023 CP	01/01/2023 CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.505.000	36.505.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.505.000	36.505.000
+ Cổ phiếu phổ thông	36.505.000	36.505.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**20.5 CÁC QUỸ**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.340.736.096	2.340.736.096
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	163.000.000	163.000.000

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>a) Doanh thu</b>	<b>15.132.809.462</b>	<b>30.308.519.518</b>
- Doanh thu dịch vụ hàng hải và dịch vụ quản lý điều hành	14.302.335.074	29.478.045.130
- Doanh thu cho thuê bất động sản	830.474.388	830.474.388
<b>Cộng</b>	<b>15.132.809.462</b>	<b>30.308.519.518</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Giá vốn của dịch vụ và hàng hải và dịch vụ quản lý điều hành	13.171.623.554	23.268.716.160
- Giá vốn cho thuê bất động sản	387.563.154	387.563.154
<b>Cộng</b>	<b>13.559.186.708</b>	<b>23.656.279.314</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	93.900.170	31.105.121
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	2.754.368
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	25.236.254
<b>Cộng</b>	<b>93.900.170</b>	<b>59.095.743</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.730.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.730.000</b>	<b>-</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>2.473.369.372</i>	<i>3.315.297.074</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.178.765.802	1.808.963.645
- Chi phí vật liệu quản lý	64.400.174	67.718.895
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	65.597.736	61.464.068
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	511.697.090	512.893.808
- Chi phí bằng tiền khác	649.908.570	861.256.658
<b>Cộng</b>	<b>2.473.369.372</b>	<b>3.315.297.074</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	1.825.915.665	3.184.895.159
- Chi phí nhân công	2.934.739.260	6.307.790.110
- Khấu hao tài sản cố định	678.689.472	657.592.562
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.424.902.921	15.579.263.377
- Chi phí bằng tiền khác	687.898.570	1.045.246.809
<b>Cộng</b>	<b>17.552.145.888</b>	<b>26.774.788.017</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	156.273.859	-
- Các khoản khác	23.652.130	-
<b>Cộng</b>	<b>179.925.989</b>	<b>-</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	169.000.000	-
- Phạt chậm nộp thuế	9.067.594	-
- Các khoản chi phí khác	5.000.016	10.943.197
<b>Cộng</b>	<b>183.067.610</b>	<b>10.943.197</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(811.718.069)</b>	<b>3.385.095.676</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>178.067.594</b>	<b>306.581.197</b>
Các khoản chi phí không hợp lệ	178.067.594	306.581.197
<b>Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế</b>	<b>-</b>	<b>(25.236.254)</b>
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	(25.236.254)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>(633.650.475)</b>	<b>3.666.440.619</b>
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(1.076.561.709)	3.223.529.385
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	442.911.234	442.911.234
<b>Lỗ lũy kế được chuyển sang năm nay</b>	<b>-</b>	<b>(1.382.098.402)</b>
- Lỗ hoạt động sản xuất kinh doanh được chuyển	-	(1.382.098.402)
- Lỗ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(633.650.475)</b>	<b>2.284.342.217</b>
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(1.076.561.709)	1.841.430.983
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	442.911.234	442.911.234
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>88.582.246</b>	<b>456.868.438</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>88.582.246</b>	<b>456.868.438</b>

**30. LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(900.300.315)	2.928.227.238
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	36.505.000	36.505.000
<b>Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(25)</b>	<b>80</b>

**31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu, do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Dịch vụ và hàng hải	Cho thuê bất động sản	Tổng cộng toàn Công ty
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.302.335.074	830.474.388	15.132.809.462
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(1.251.487.682)</b>	<b>442.911.234</b>	<b>(808.576.448)</b>
<b>TÀI SẢN</b>			
Tài sản bộ phận trực tiếp	10.993.786.032	27.516.984.177	38.510.770.209
Tài sản không phân bổ	-	-	4.824.304.281
<b>Tổng tài sản</b>	<b>10.993.786.032</b>	<b>27.516.984.177</b>	<b>43.335.074.490</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	10.441.038.898	38.963.681.692	49.404.720.590
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	18.549.837.171
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>10.441.038.898</b>	<b>38.963.681.692</b>	<b>67.954.557.761</b>

**33. THÔNG TIN KHÁC**

**33.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Công ty	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Công-ten-ơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	Ông Nguyễn Văn Mạnh – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là phó Tổng giám đốc Công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Du lịch và Thương mại Thẩm gia	Ông Thẩm Hồng Sơn – Thành viên Hội đồng quản trị là Giám đốc Công ty này
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

Trong kỳ, các giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**33 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**33.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	406.882.320	290.532.400
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	1.162.896.780	4.450.453.783
- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng du lịch và thương mại Thẩm Gia	4.760.000.000	2.539.285.800
- Công ty Cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam - Vosa Quảng Ninh	2.668.600	-
- Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	832.946.943	4.393.843.195
<b>Cung cấp hàng hóa, dịch vụ</b>		
- Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	-	1.106.351.230
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	2.427.833.080	10.585.848.825
- Công ty Cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam - Vosa Quảng Ninh	-	82.433.000

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	1.949.475.000	274.680.072
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	1.949.475.000	274.680.072
<b>Phải thu khác</b>	1.816.239.681	1.816.239.681
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	1.816.239.681	1.816.239.681
<b>Phải trả người bán</b>	2.266.144.837	1.616.239.600
- Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	169.303.200	-
- Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	1.273.000.000	1.616.239.600
- Tổng Công ty hàng hải Việt Nam - CTCP	823.841.637	-
- Công ty CP đầu tư xây dựng du lịch và thương mại Thẩm Gia	1.616.239.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**33 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**33.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Thu nhập của nhân sự chủ chốt:*

		<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
	<b>Chức vụ</b>		
	<i>Thù lao, tiền lương thành viên HĐQT</i>	<b>621.489.317</b>	<b>1.414.056.573</b>
Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	25.200.000
Ông Phạm Văn Toàn	Phó chủ tịch HĐQT (từ 01/01/2023 đến 24/06/2023) Thành viên HĐQT (từ 24/06/2023 đến nay) - Tổng Giám đốc	164.500.000	226.790.817
Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Thành viên HĐQT	18.000.000	4.800.000
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT	18.000.000	4.800.000
Ông Thâm Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	18.000.000	14.400.000
Ông Nguyễn Bá Sơn	Phó Tổng Giám đốc	257.901.591	917.199.846
Ông Đỗ Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc	115.087.726	220.865.910
	<i>Thù lao, tiền lương thành viên BKS</i>	<b>51.000.000</b>	<b>38.400.000</b>
	<b>Cộng</b>	<b>672.489.317</b>	<b>1.452.456.573</b>

**33.2 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tại thời điểm 30/06/2023, các khoản Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 2,89 tỷ đồng, đồng thời lỗ lũy kế là âm 403,67 tỷ đồng, Vốn chủ sở hữu âm 24,6 tỷ đồng. Những dấu hiệu này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, khoản lỗ lũy kế này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân (CICT) với số tiền là 473 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn diễn ra bình thường, do đó Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty được trình bày trên có sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

**33.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân đã được soát xét.

Quảng Ninh, ngày 11 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc

Vũ Thị An

Phan Thị Liên



Phạm Văn Toàn

